

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HOÁ
TỈNH THANH HÓA

Bản án số: 07/2022/HS -ST

Ngày: 14/11/2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Loan - Giáo viên

Bà Dương Thị Phương - Cán bộ Đoàn thanh niên

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện VKSND Thành phố Thanh hoá tham gia phiên toà:

Bà Ninh Thị Tám - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 15/2022/HSST/TLST - HS ngày 11 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST – HS ngày 31 tháng 10 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đình T, Sinh ngày 26/9/2004; Nơi cư trú: Xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Nguyễn Đình X và bà Nguyễn Thị T; Bị cáo chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” “Có mặt”;

2. Mai Xuân Đ, Sinh ngày 16/4/2004; Nơi cư trú: Xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Mai Xuân L và bà Lê Thị H; Bị cáo chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” “Có mặt”;

Bị hại: Chị Hoàng Thảo C, sinh ngày 02/3/2005; Nơi cư trú: Khu Phố B, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa “Vắng mặt”.

Người đại diện hợp pháp cho bị hại: Bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ) “Vắng mặt”.

Nơi cư trú: Khu Phố B, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Văn D, sinh năm 1992 “Vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975 “Có mặt”

Địa chỉ: Thôn 2, Thịnh Trị, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa.

Người làm chứng: Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 16/6/2005 “Vắng mặt”

Địa chỉ: Khu Phố B, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đình T:

1. Bà Lương Thanh V - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

2. Bà Nguyễn Thị H - Luật sư - Công ty Luật TNHH Nhật Phong, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15h ngày 14/6/2022, Nguyễn Đình T điều khiển xe máy không biển kiểm soát đến nhà rù Mai Xuân Đ xuống thành phố Thanh Hóa để xin việc làm. Đạt đồng ý điều khiển xe máy chở Thành ngồi sau đi trên các tuyến đường thành phố để tìm chỗ xin việc, nhưng chưa được, Thành nảy sinh ý cướp giật điện thoại của người đi đường, T nói với Đ “Bây giờ không tìm được việc làm, đi giật tài sản của người đi đường kiếm tiền tiêu xài đi”, Đ đồng ý, cả hai đi đến khu vực gần cầu Cốc phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, Thành phát hiện thấy chị Hoàng Thảo C điều khiển xe máy điện chở chị Nguyễn Thị Hải Y. Cả hai mặc áo chống nắng, tay cầm điện thoại đi trên đường Mai An Tiêm ra Đại lộ Lê Lợi. T bảo Đ điều khiển xe đuổi theo, khi chị C và chị Y đi đến khu vực ngã ba đường Mai An Tiêm giao nhau với Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa thì dừng lại, thấy chị C mở chiếc điện thoại Iphone 11 Pro max màu vàng để sử dụng, Đ điều khiển xe máy đi áp sát bên phải xe chị C, T ngồi sau dùng tay trái nhanh chóng giật chiếc điện thoại rồi cả hai tăng ga bỏ chạy ra đường đại lộ Lê Lợi đi về hướng cầu vượt phường Quảng Hưng ra QL1A về nhà. Khi đi đến cầu Quán Nam, phường Quảng Thịnh, thành phố Thanh Hóa, cả hai dừng xe cởi áo chống nắng, tháo sim điện thoại vứt bên đường rồi đi về nhà Đ.

Đến khoảng 17h cùng ngày cả hai mang chiếc điện thoại vừa cướp giật được đến cửa hàng Nhật Duy MOBILE nói với anh Lê Văn D “Máy người yêu em nhặt được, anh mua xác máy giá bao nhiêu”, sau khi xem máy anh Duy thống nhất mua giá 3.500.000 đồng. Số tiền này T và Đ chia nhau ăn tiêu hết. Ngày 21/6/2022 cả hai ra đầu thú.

Chị Hoàng Thảo C báo cáo, tài sản của chị là chiếc ĐTDĐ Iphone 11 Pro max màu vàng trị giá khoảng 13.000.000 đồng.

Ngày 11/7/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thanh Hóa đã định giá trên hồ sơ chiếc điện thoại trên có giá trị 12.750.000 đồng.

Về Vật chứng: 01 áo phông không có cổ màu đen phía trước có dòng chữ NOWSAGON- PU22LE phía sau có dòng chữ “EST. 2015-XOXO.

01 áo thể thao ngắn tay màu sữa phía sau in số 16, có chữ “Đạt nhé” và có dòng chữ WEAREAFAMILY;

02 chiếc dép nhựa xộp màu xanh trắng hiệu “Austrabie@Tashc”;

02 chiếc dép nhựa xộp màu xanh hiệu “ChinaFasHioN”. Số vật chứng này được chuyển Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

01 USB lưu giữ hình ảnh T và Đ vào cửa hàng điện thoại Nhật Duy bán điện thoại cho anh D, do anh D cung cấp, được lưu giữ trong hồ sơ.

Đối với chiếc điện thoại Iphone 11 Pro max màu vàng, sau khi mua của bị cáo T và Đ, anh D đã thay thế linh kiện sửa chữa lại rồi bán cho một người phụ nữ đi đường không rõ tên địa chỉ với giá 12.000.000 đồng, nên không thu giữ được.

Đối với chiếc xe mô tô không biển kiểm soát Excter 135 màu đen; kèm 01 BKS 36K3- 03859 đã qua sử dụng thu của Thành; quá trình điều tra xác định đây là xe của bà Nguyễn Thị Th (mẹ T). Bà Th không biết T dùng vào việc phạm tội, nên Cơ quan Công an đã trả lại cho bà Th.

Về dân sự: Ngày 20/7/2022, bà Nguyễn Thị Th đã thay bị cáo T và bị cáo Đ hoàn trả số tiền 12.750.000 đồng cho chị Hoàng Thảo C. Chị C nhận tiền đầy đủ và có đơn xin giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo T và bị cáo Đ.

Tại bản cáo trạng số 264/CT - VKS ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hoá truy tố các bị cáo Nguyễn Đình T và Mai Xuân Đ về tội “Cướp giật tài sản”, theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên toà đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hoá luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của BLHS (Áp dụng đối với hai bị cáo). Điều 101 BLHS áp dụng đối với riêng bị cáo T. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T mức án 36 tháng tù cho hưởng án treo; Đề nghị xử phạt bị cáo Mai Xuân Đ mức án 36 tháng tù cho hưởng án treo, đề nghị HĐXX tuyên tiêu hủy các vật chứng do không còn giá trị sử dụng và buộc các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nhận tội và công nhận quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo là đúng và không có ý kiến tranh luận, trong lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đình T đề nghị: Do bị cáo Nguyễn Đình T là người chưa thành niên phạm tội, nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo lần đầu phạm tội, đề nghị HĐXX xem xét đến mục đích, diễn biến của hành vi phạm tội, bị cáo có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn. Do đó đề nghị HĐXX áp dụng Điều 54 BLHS để xem xét xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Công an thành phố Thanh Hóa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận: Khoảng 16h ngày 14/6/2022, tại ngã ba đường Mai An Tiêm giao nhau với đường đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa. Mai Xuân Đ điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Đình T giật chiếc điện thoại Iphone 11 Pro max màu vàng trên tay chị Hoàng Thảo C, sau đó mang đi tiêu thụ lấy 3.500.000 đồng cùng nhau ăn tiêu hết. Tài sản chiếm đoạt trị giá 12.750.000 đồng. Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai trước đây các bị cáo đã khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “ Cướp giật tài sản”, với tình tiết định khung tăng nặng, dùng thủ đoạn nguy hiểm, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 BLHS năm 2015 như cáo trạng và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có cơ sở và đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất vụ án, mức độ phạm tội và trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện tính táo bạo, liều lĩnh, đã trực tiếp xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, quyền sở hữu về tài sản của công dân. Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân, do đó cần phải được xử lý nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và có tính phòng ngừa chung.

[5] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án: Các bị cáo thực hiện hành vi dưới hình thức đồng phạm giản đơn, không có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện hành vi tội phạm, tuy nhiên bị cáo T là người khởi xướng rủ Đ cướp giật tài sản của người khác, Thành cũng là người trực tiếp giật điện thoại của chị Thảo C. Bị cáo Đ cũng là người thực hiện hành vi một cách tích cực, sau khi đồng ý với bị cáo T, bị cáo Đ là người điều khiển xe áp sát để bị cáo T giật điện thoại, sau đó cả hai đem đi tiêu thụ lấy tiền chi tiêu cá nhân, do đó bị cáo T là người có vai trò chính và cao hơn bị cáo Đ là phù hợp.

[6] Xét các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Cả hai bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn, sau khi phạm tội các bị cáo đầu thú, đã bồi thường xong thiệt hại cho người bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, các bị cáo tham gia ủng hộ quỹ phòng chống dịch Covid – 19 (Có thư cảm ơn của Ủy ban MTTQ Việt Nam xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, nên khi quyết định hình phạt cần xem xét đến tình tiết giảm nhẹ nêu trên theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Đình T là người chưa thành niên phạm tội, nhận thức pháp luật còn hạn chế do đó khi quyết định hình phạt cần áp dụng Điều 91; Điều 101 BLHS để áp dụng đường lối chính sách khoan hồng đối với người chưa thành niên phạm tội;

Với nhân thân, tính chất và hành vi phạm tội của các bị cáo, do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nêu trên, nên xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà để các bị cáo được cải tạo tại địa phương, dưới sự giám sát của chính quyền cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung;

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

Anh Lê Văn D là người mua điện thoại của các bị cáo, anh D không biết đó là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có, sau đó anh D đã thay thế linh kiện, sửa chữa lại điện thoại rồi bán lại điện thoại cho người phụ nữ không rõ tên tuổi nên không thu được vật chứng. Tuy nhiên các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường đủ giá trị điện thoại cho bị hại. Bị hại đã nhận tiền bồi thường và không yêu cầu gì thêm.

[8] Về vật chứng: Các vật chứng thu của các bị cáo gồm: 01 áo phông không có cổ màu đen, phía trước có dòng chữ "NOWSAGON- PU22LE"; 01 áo thể thao ngắn tay, màu trắng sữa phía sau lưng áo có in số 16, có dòng chữ "Đạt nhé"; 02 dép nhựa xỏ ngón, màu xanh trắng; 02 dép nhựa xỏ màu xanh. Do vật chứng

không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy, theo quy định tại khoản 1; điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 1; điểm c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án (Áp dụng chung đối với cả hai bị cáo).

Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự (Áp dụng thêm đối với bị cáo Nguyễn Đình T);

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đình T và bị cáo Mai Xuân Đ phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đình T 36 (Ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Bị cáo Mai Xuân Đ 36 (Ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Đình T và bị cáo Mai Xuân Đ cho ủy ban nhân dân xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa giám sát và giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận bị hại đã nhận tài sản và không có yêu cầu gì thêm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 áo phông không có cổ màu đen, phía trước có dòng chữ “NOWSAGON- PU22LE”; 01 áo thể thao ngắn tay, màu trắng sữa phía sau lưng áo có in số 16, có dòng chữ “Đạt nhé”; 02 dép nhựa xỏ ngón, màu xanh trắng; 02 dép nhựa xỏ ngón màu xanh. Theo biên bản giao nhận vật chứng số

05/2023/THA ngày 11 tháng 10 năm 2022 giữa Công an Thành phố Thanh Hóa và Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thanh hóa.

Án phí: Các bị cáo Nguyễn Đình T và bị cáo Mai Xuân Đ, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại; người liên quan;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an TP Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Tân